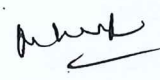


	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ TOÀN DÂN	Mã số: PKDK.QT. 93
		Lần ban hành: 01
		Ngày hiệu lực: 12/8/2026
		Trang: 1

	Biên soạn	Xem xét		Phê duyệt
Chữ ký				
Họ tên	CNDD. Đặng Nhân Nghĩa	ThS. BS. Trần Xuân Bách	PGS.TS. BS. Trần Thị Mộng Hiệp	PGS.TS. BS Châu Văn Trờ
Chức danh	Điều dưỡng Phòng Kế hoạch - Nghịệp vụ PK	Phòng Quản lý chất lượng PK	Ban Cố vấn chuyên môn PK	Trưởng Phòng khám

THEO DÕI SỬA ĐỔI

Ngày	Nội dung sửa đổi	Lần Ban hành

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ TOÀN DÂN	Mã số:
		Lần ban hành: 01
		Ngày hiệu lực: ... / ... / 2026
		Trang: 2

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt:	Định nghĩa	Chữ viết tắt:	Định nghĩa
KSK	Khám sức khỏe	TCHC	Tổ chức Hành chính
PK	Phòng khám	KHNV	Kế Hoạch Nghiệp Vụ
CLS	Cận lâm sàng	VneID	Tài khoản định danh
ND	Người dân		điện tử
BS	Bác sĩ	CCCD	Căn cước công dân
ĐD	Điều dưỡng		

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ TOÀN DÂN	Mã số: PKĐK.QT. 93
		Lần ban hành: 01
		Ngày hiệu lực: 12/8/2026
		Trang: 3

I. MỤC ĐÍCH

- Bảo đảm việc khám sức khỏe (KSK) định kỳ của người dân được thực hiện đúng quy định của pháp luật.
- Quy định thống nhất về trình tự, cách thức phối hợp trong quá trình khám và trả kết quả KSK tại PK.
- Tạo thuận lợi, nhanh chóng, minh bạch cho ND trong quá trình KSK, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

- Đối tượng phục vụ của Quy trình: Người dân đến KSK tại Phòng khám Đa khoa Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (từ đủ 18 tuổi trở lên).
- Đối tượng sử dụng Quy trình: Tất cả nhân viên có liên quan tham gia vào quá trình cấp, khám và trả hồ sơ KSK tại Phòng khám.
- Phạm vi áp dụng: Tại Phòng khám Đa khoa Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

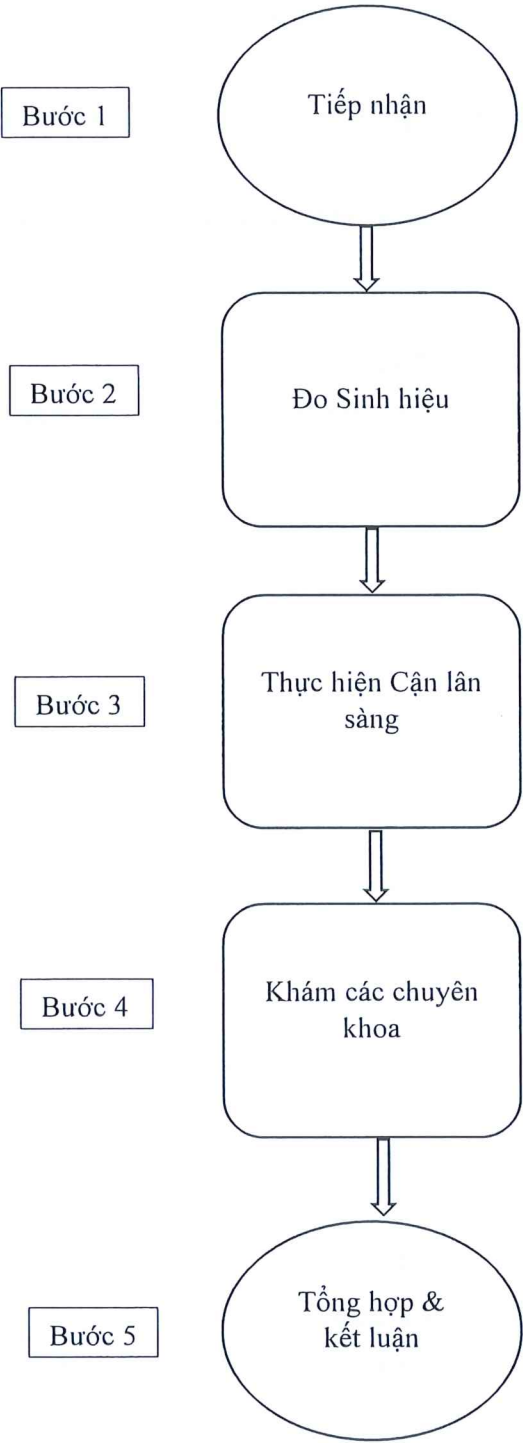
III. TÀI LIỆU VIỆN DẪN, THAM KHẢO

- Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 quy định về khám bệnh, chữa bệnh có hiệu lực từ ngày 01/01/2024.
- Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Căn cứ Quyết định 1613/BYT-QĐ ngày 15/8/1997 của Bộ Y tế về tiêu chuẩn phân loại sức khỏe.
- Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BYT ngày 30/06/2026 của Bộ Y tế Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BYT hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng xét nghiệm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Thông tư số 32/2023/TT-BYT quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Thông tư số 23/2024/TT-BYT ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 42/2025/TT-BYT quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người điều khiển phương tiện giao thông đường sắt.
- Quy trình Khám sức khỏe tại Phòng khám Đa khoa Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (PKĐK.QT.12 ban hành lần 04 ngày 13/08/2025)

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ TOÀN DÂN	Mã số:
		Lần ban hành: 01
		Ngày hiệu lực: ... / ... / 2026
		Trang: 4

IV. NỘI DUNG

1. Lưu đồ các bước thực hiện quy trình



	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ TOÀN DÂN	Mã số: PKĐK.QT. 93
		Lần ban hành: 01
		Ngày hiệu lực: 12/1.8/2026
		Trang: 5

2. Diễn giải lưu đồ

Bước 1: Tiếp nhận người dân thuộc

Nhân sự thực hiện	Công việc cụ thể
Nhân viên quầy Tiếp nhận	- Tiếp nhận thông tin đăng ký. Yêu cầu người dân (ND) xuất trình CCCD/ VneID để kiểm tra, đối chiếu với danh sách thông tin ND khám sức khỏe tại phường Hòa Hưng. - Nhập thông tin hành chính của ND vào File Sheet theo mẫu. - Cung cấp giấy khám sức khỏe và hướng dẫn ND điền thông tin vào giấy khám sức khỏe theo thông tư 25/2026/TT-BYT. - Kiểm tra thông tin hợp lệ của ND điền trên giấy KSK. - Cung cấp phiếu chỉ định “Xét nghiệm máu và X-Quang” cho ND. - Hướng dẫn ND vào quầy Đo Sinh Hiệu.

- Một số lưu ý:

- o Kiểm tra đầy đủ thông tin trong giấy KSK của ND
- o Đối với khám sức khỏe toàn dân, mục “**Nguồn chi trả**” chọn ô “**Ngân sách nhà nước**”, “**Lý do khám sức khỏe**” ghi: “**Khám sức khỏe định kỳ**”

Bước 2: Đo sinh hiệu

Nhân sự thực hiện	Công việc cụ thể
Điều dưỡng	- Thực hiện kỹ thuật đo sinh hiệu cho người dân. - Điền kết quả vào giấy KSK và nhập vào File Sheet. - Nhập tiền sử gia đình/ bản thân của người dân đã đánh trên giấy KSK vào File Sheet. - Hướng dẫn ND thực hiện các chỉ định CLS và khám theo quy trình KSK định kỳ thông thường.

- Một số lưu ý:

- o Nếu ND có tiền sử bệnh “**Tăng huyết áp**” và kết quả đo huyết áp cao, cho ND ngồi nghỉ ít nhất 15 phút rồi đo lại. Điền cả 2 kết quả vào giấy KSK và nhập vào File Sheet.
- o Hướng dẫn ND khám đủ tất cả các chuyên khoa. Tuy nhiên chỉ khám khoa “**Nội**” sau khi có đủ kết quả “**Xét nghiệm và X-Quang**”.

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ TOÀN DÂN	Mã số:
		Lần ban hành: 01
		Ngày hiệu lực: .../.../2026
		Trang: 6

Bước 3: Thực hiện cận lâm sàng

Nhân sự thực hiện	Công việc cụ thể
KTV Xét nghiệm	- Kiểm tra lại thông tin ND và các chỉ định xét nghiệm máu/nước tiểu. - Thực hiện lấy mẫu bệnh phẩm và hẹn giờ trả kết quả xét nghiệm. - Thực hiện công việc chuyên môn. - Trả kết quả theo giờ hẹn. - Ghi kết quả vào giấy và ký tên - Nhập kết quả vào File Sheet.
KTV X-quang	- Kiểm tra lại thông tin ND và các chỉ định X-quang. - Thực hiện công việc chuyên môn và hẹn trả giờ kết quả X-quang. - Trả kết quả theo giờ hẹn.
BS Chẩn đoán hình ảnh	- Ghi kết quả vào giấy và ký tên - Nhập kết quả vào File Sheet.

Bước 4: Khám các chuyên khoa

Nhân sự thực hiện	Công việc cụ thể
Điều dưỡng	- Đăng nhập tài khoản Gmail của phòng và mở sẵn File Sheet. - Tiếp nhận giấy KSK của ND. - Mời ND vào khám. - Nhắc nhở BS điền và nhập “mã bệnh ICD” và “phân loại sức khỏe (loại 1,2,3...)” vào giấy KSK của ND và đúng tab của phòng khám chuyên khoa đang khám trên File Sheet.
Bác sĩ	- Kiểm tra thông tin BN, tiền sử bệnh có liên quan đến chuyên khoa của BS. - Khám, điền và nhập “mã bệnh ICD” và “phân loại sức khỏe (loại 1,2,3...)” vào giấy KSK của ND và đúng tab của phòng khám chuyên khoa đang khám trên File Sheet.

- Một số lưu ý:

- Theo thông tư 25/2026/TT-BYT, bắt buộc điền “**mã bệnh ICD**” và “**phân loại sức khỏe (loại 1,2,3...)**” vào giấy KSK.
- Chỉ nhập “**mã bệnh ICD**” và “**phân loại sức khỏe (loại 1,2,3...)**” đúng chuyên khoa BS khám vào đúng tab của phòng trên File Sheet.

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ TOÀN DÂN	Mã số: <i>PKĐK.QT. 93</i>
		Lần ban hành: 01
		Ngày hiệu lực: <i>12/8/2026</i>
		Trang: 7

○ Tuyệt đối không xóa, chỉnh sửa các thông tin khác không liên quan đến chuyên môn của mình.

○ Nếu cần chỉ định CLS ngoài gói, BS giải thích cho ND về tính cần thiết của chỉ định CLS. Nếu ND đồng ý thực hiện, ĐD hướng dẫn người dân tới “**Quầy Tiếp nhận**” để đăng ký khám và BS cho chỉ định CLS.

○ Hướng dẫn ND khám “**chuyên khoa Nội**” cuối cùng.

○ Đối với chuyên khoa “**Sản phụ khoa**”: nếu ND không đồng ý khám, BS tick chọn ô “**Từ chối khám sản khoa**”.

Bước 5: Tổng hợp và kết luận

Nhân sự thực hiện	Công việc cụ thể
Bác sĩ thuộc phòng Nội 2	- Kiểm tra thông tin BN, tiền sử bệnh có liên quan đến chuyên khoa của BS. - Khám, tư vấn kết quả cận lâm sàng, kết luận hồ sơ KSK của ND. - Điền và nhập “mã bệnh ICD” và “phân loại sức khỏe (loại 1,2,3...)” và “kết luận” vào giấy KSK của ND và đúng tab của phòng khám chuyên khoa đang khám và tab kết luận trên File Sheet.
Điều dưỡng	Hướng dẫn ND nộp lại toàn bộ hồ sơ KSK tại “ Quầy Tiếp nhận ” sau khi hoàn tất các nội dung khám.
Tiếp nhận	- Nhận lại hồ sơ sau khi KSK từ ND - Tổng hợp và trình ký BLĐ.
TCHC	- Nhận hồ sơ KSK từ phòng KHNV. - Đóng mộc hồ sơ KSK và lưu trữ kết quả KSK theo quy định hiện hành.
KHNV	- Kiểm tra lại thông tin, nội dung KSK của ND trên giấy KSK và File Sheet. - Nhập và đẩy công dữ liệu lên “Cổng Sở Y tế”. - Bàn giao lại hồ sơ cho đơn vị quản lý.

V. LƯU Ý

- Tiêu chuẩn phân loại sức khỏe của người được KSK thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.
- Căn cứ vào kết quả khám chuyên khoa, người thực hiện khám chuyên khoa ghi rõ bệnh, tật thuộc chuyên khoa đã khám và phân loại sức khỏe theo chuyên khoa được phân công khám.
- Căn cứ vào kết quả khám của từng chuyên khoa, người hành nghề được PK phân công thực hiện việc kết luận phân loại sức khỏe và ký giấy KSK, sổ KSK định kỳ (sau đây gọi tắt là người kết luận) thực hiện việc kết luận phân loại sức khỏe như sau:

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ TOÀN DÂN	Mã số:
		Lần ban hành: 01
		Ngày hiệu lực: ... / ... / 2026
		Trang: 8

a) Phân loại sức khỏe cho người được KSK thực hiện theo quy định của Bộ Y tế về việc ban hành tiêu chuẩn phân loại sức khỏe để khám tuyển, KSK định kỳ.

b) Trường hợp người được KSK có bệnh, tật thì người kết luận tư vấn phương án điều trị, phục hồi chức năng hoặc giới thiệu để khám bệnh, chữa bệnh.

- Sau khi phân loại sức khỏe, người kết luận phải ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của PK vào giấy KSK hoặc sổ KSK định kỳ. (Con dấu sử dụng trong giao dịch chính thức của PK theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu).

- Đối với những trường hợp KSK theo bộ tiêu chuẩn sức khỏe chuyên ngành do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành hoặc thừa nhận thì việc phân loại sức khỏe căn cứ vào quy định của bộ tiêu chuẩn sức khỏe chuyên ngành đó.

- Đối với những trường hợp KSK theo yêu cầu nhưng không khám đầy đủ các chuyên khoa theo mẫu giấy KSK quy định, PK chỉ khám, kết luận đối với từng chuyên khoa theo yêu cầu của người được KSK và không phân loại sức khỏe.

VI. PHỤ LỤC

Phụ lục 1	Mẫu Giấy khám sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên.
Phụ lục 2	Hướng dẫn chi tiết điền thông tin trong phiếu KSK

PHỤ LỤC I

ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ:/SKSK-TĐHYKPNT-PKĐK

**GIẤY KHÁM SỨC KHỎE VÀ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Y tế)

THÔNG TIN HÀNH CHÍNH

1. Họ và tên (*viết chữ in hoa*):.....
2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Dân tộc:.....
5. Nhóm máu (nếu có):
6. Số CCCD/Mã số định danh/Hộ chiếu¹:
7. Số thẻ BHYT:
8. Nơi ở hiện tại:
Xã, phường:
9. Nghề nghiệp:
10. Nơi làm việc, học tập:
Xã, phường:
11. Điện thoại di động:.....
12. Lý do khám sức khỏe:.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

- ☐ Không
- ☐ Có, ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bệnh, tật của bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không?

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☐	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☐	13	Bệnh tâm thần	☐	☐
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☐
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính bằng	☐	☐	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐

¹ Đối với người sử dụng ngân sách nhà nước chỉ chấp nhận số định danh cá nhân hoặc căn cước công dân

9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính			20	Sử dụng rượu, bia thường xuyên, liên tục		
10	Bệnh thận, lọc máu			21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		
11	Nghiện rượu, bia			22	Bệnh khác (ghi rõ)		

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không?

Không

Có. Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Không

Có. Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày tháng.....năm.....

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

THÔNG TIN ĐỐI TƯỢNG - CHI TRẢ

Đối tượng (ghi số từ 1 đến 17 theo mã đối tượng tại phụ lục):

Nguồn chi trả

☐ Ngân sách nhà nước hỗ trợ

☐ Khám theo hợp đồng

☐ Khám phi địa giới

☐ Người sử dụng lao động chi trả

☐ Người dân tự chi trả

☐ Nguồn khác:

Địa điểm khám: ☐ CS KBCB ☐ Khám lưu động ☐ Trạm Y tế ☐ Trường học ☐ KSK tại nhà

KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: cm; Mạch: lần/phút;
 - Cân nặng: kg; Huyết áp: mmHg;
 - Chỉ số BMI: Nhịp thở: lần/phút;
 - Phân loại thể lực: ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung		Họ tên, chữ ký của bác sĩ
1. Nội khoa		
a)	Tuần hoàn ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
b)	Hô hấp ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
c)	Tiêu hóa ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
d)	Thận-Tiết niệu ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
đ)	Nội tiết ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
e)	Cơ - xương - khớp ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
g)	Thần kinh ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
h)	Tâm thần ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
2. Ngoại khoa		
	☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	

1 KI
 ION
 3A
 1

3.	Đa liễu	
	☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
4.	Sản phụ khoa	
	Sản khoa ☐ Từ chối khám sản khoa. ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
5.	Mắt <i>Khám thị lực</i> Không kính: MP MT Kính lỗ: MP MT Có kính: MP MT	<i>Khám khúc xạ (nếu có)</i> MP: độ cầu – độ trụ - trục MT: độ cầu – độ trụ - trục
	☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
6.	Tai - Mũi - Họng <i>Kết quả khám thính lực:</i> Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
7.	Răng - Hàm - Mặt	
	18 17 16 15 14 13 12 11 21 22 23 24 25 26 27 28 Hàm trên Hàm dưới 48 47 46 45 44 43 42 41 31 32 33 34 35 36 37 38 <i>Tình trạng răng</i> 0: Bình thường 1: Sâu 2: Trám sâu lại 3: Trám tốt 4: Mất do sâu 5: Mất lý do khác 6: Bít hố rãnh 7: Trụ, cầu, implant 8: Chưa mọc 9: Loại trừ	
	☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	

III. CẬN LÂM SÀNG

1. Khám phân loại sức khỏe để đi học, đi làm thực hiện cận lâm sàng sau:

Nội dung	Họ tên, chữ ký bác sĩ/CN XN
a) Xét nghiệm máu	
- Huyết học: Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	
+ Số lượng HC:	T/L
+ Huyết sắc tố:	g/L
+ Hematocrit:	L/L
+ MCV:	fL
+ MCH:	pg
+ MCHC:	g/L
+ RDW:	%
+ Số lượng bạch cầu:	G/L

+ Số lượng bạch cầu trung tính: G/L + Số lượng bạch cầu lympho: G/L + Số lượng bạch cầu đơn nhân: G/L + Số lượng bạch cầu ái toan: G/L + Số lượng bạch cầu ái kiềm: G/L + Số lượng tiểu cầu: G/L - Sinh hoá máu: + Đường máu: mmol/L + Urê: mmol/L + Creatinin: µmol/L + ASAT(GOT): U/L + ALAT (GPT): U/L	
b) Xét nghiệm nước tiểu: - Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động): + Tỷ trọng + pH + Bạch cầu: Âm tính hoặc giá trị (Leu/µL) + Hồng cầu: Âm tính hoặc giá trị (Ery/µL) + Nitrit: Âm tính/dương tính + Protein: Âm tính hoặc giá trị (g/L) + Glucose: Âm tính hoặc giá trị (mmol/L) + Thử cetonic: Âm tính hoặc giá trị (mmol/L) + Bilirubin: Âm tính hoặc giá trị (µmol/L) + Urobilinogen: Âm tính hoặc giá trị (µmol/L) - Khác (nếu có):	
c) Chẩn đoán hình ảnh (X-Quang tim phổi thẳng)	
d) Cận lâm sàng khác: ☐ Không ☐ Có. Nếu có, liệt kê kết quả chi tiết:	

2. Khám sức khỏe định kỳ

Nội dung	Họ tên, chữ ký bác sĩ/CN XN
1. Các xét nghiệm chỉ thực hiện khi có chỉ định của bác sĩ khám sức khỏe:	
a) Xét nghiệm máu - Huyết học: Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi + Số lượng HC: T/L + Huyết sắc tố: g/L + Hematocrit: L/L + MCV: fL + MCH: pg + MCHC: g/L + RDW: % + Số lượng bạch cầu: G/L + Số lượng bạch cầu trung tính: G/L + Số lượng bạch cầu lympho: G/L + Số lượng bạch cầu đơn nhân: G/L + Số lượng bạch cầu ái toan: G/L + Số lượng bạch cầu ái kiềm: G/L + Số lượng tiểu cầu: G/L - Sinh hoá máu: + Đường máu: mmol/L + Creatinin: µmol/L + ASAT(GOT): U/L + ALAT (GPT): U/L	

HOA PH
KHÁM
(HOA
★ H

b) Xét nghiệm nước tiểu:	
- Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động):	
+ Tỷ trọng	
+ pH	
+ Bạch cầu:	Âm tính hoặc giá trị (Leu/ μ L)
+ Hồng cầu:	Âm tính hoặc giá trị (Ery/ μ L)
+ Nitrit:	Âm tính/dương tính
+ Protein:	Âm tính hoặc giá trị (g/L)
+ Glucose:	Âm tính hoặc giá trị (mmol/L)
+ Thể cetonic:	Âm tính hoặc giá trị (mmol/L)
+ Bilirubin:	Âm tính hoặc giá trị (μ mol/L)
+ Urobilinogen:	Âm tính hoặc giá trị (μ mol/L)
Khác (nếu có):	
c) Kết quả Chẩn đoán hình ảnh	
.....	
d) Kết quả Cận lâm sàng khác:	
.....	
Riêng đối với nữ lao động phải thực hiện danh mục quy định tại Phụ lục XXV Thông tư số TT32/2023/TT-BYT (bắt buộc)	
- Xét nghiệm tế bào cổ tử cung/Xét nghiệm HPV (nếu có)	
- X-Quang nhũ/ Siêu âm 02 tuyến vú (nếu có)	
.....	

V. KẾT LUẬN

1. Tình trạng sức khỏe, mắc các bệnh, tật (nếu có)

- ☐ Chưa phát hiện bất thường.
- ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD
- ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD

2. Phân loại sức khỏe:

Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V

3. Đề nghị:

- ☐ Bình thường, hẹn khám định kỳ lần sau
- ☐ Có yếu tố nguy cơ, cần theo dõi thêm
- ☐ Đã có bệnh mạn tính, tiếp tục điều trị theo phác đồ/toa cũ
- ☐ Chuyển cơ sở KBCB, khám chuyên khoa
- ☐ Khác, ghi rõ (nếu có tư vấn chế độ ăn uống, tập luyện...):

Ngày tháng năm

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT ĐIỀN THÔNG TIN TRONG PHIẾU KSK

1. Mục “**ĐỐI TƯỢNG**” Có thể chọn nhiều đối tượng tương ứng bên dưới, các đối tượng cách nhau bằng dấu phẩy.

(1) Người cao tuổi	(10) Trẻ dưới 6 tuổi đi học (trẻ đang học mầm non)
(2) Người khuyết tật	(11) Trẻ dưới 6 tuổi không đi học
(3) Người thuộc hộ nghèo, cận nghèo	(12) Trẻ từ đủ 6 tuổi đến 18 tuổi đi học (lớp 1 đến lớp 12)
(4) Người có công	(13) Trẻ từ đủ 6 tuổi đến 18 tuổi không đi học
(5) Người mắc bệnh mạn tính	(14) Sinh viên, học viên
(6) Người sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	(15) Người lao động chính thức (theo Luật An toàn, Vệ sinh lao động)
(7) Người sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn	(16) Người lao động phi chính thức
(8) Người sống tại xã đảo	(17) Các đối tượng khác
(9) Người sống tại đặc khu	

2. Mục “**NƠI Ở HIỆN TẠI**”

- **Đối với người trên 16 tuổi:** Kiểm tra “**Thông tin cư trú**” của người dân trên ứng dụng VNeID để xác định địa chỉ nơi ở hiện tại. Trường hợp có thông tin “**nơi thường trú**” và “**nơi tạm trú**” trên VNeID phải lấy địa chỉ “**nơi tạm trú**”.

- **Đối với người dưới 16 tuổi:** Trường hợp không thể kiểm tra nơi ở của trẻ, có thể kiểm tra “**Thông tin cư trú**” của mối quan hệ trên ứng dụng VneID để xác định địa chỉ nơi ở hiện tại của trẻ. Trường hợp có thông tin “**nơi thường trú**” và “**nơi tạm trú**” trên VNeID phải lấy địa chỉ “**nơi tạm trú**”.

3. Mục “**NGHỀ NGHIỆP**”

Nhân viên y tế hướng dẫn người dân người dân ghi nghề nghiệp theo danh mục tại Quyết định số 34/2020/QĐ – TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

